

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Phú;

2. Bà Dương Thị Bạ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1121/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Kim Ph, sinh năm 1977; nơi ĐKKHKT: 130C/3, khu phố Th, phường A, thị xã T, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Quốc B, sinh năm 1978; nơi ĐKKHKT: 13A/45, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh B; trú tại : 130C/3, khu phố Th, phường A, thị xã T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Kim Ph trình bày:

Chị Ph và anh B tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện T (nay là phường A, thị xã T), tỉnh B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 114 ngày 19/4/2002, quyền số 01/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại khu phố Th, phường A, thị xã T, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh B không chí thú làm ăn để cùng vợ lo toan cho gia đình

mà thường xuyên ăn uống rượu chè bê tha. Năm 2013, 2016 chị Ph đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn, sau đó rút đơn để anh B có cơ hội sửa chữa. Nhưng từ đó tới nay anh B vẫn chứng nào tật ấy, không chịu sửa đổi. Nay chị Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Phạm Trần Bảo Kh, sinh ngày 25/10/2004 và Phạm Trần Bảo Ph, sinh ngày 26/11/2008. Chị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh B đóng góp nuôi 2 con mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Ph thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh B đóng góp nuôi con.

Quá trình tố tụng anh B đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng không tham dự phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Ph khởi kiện anh Bảo yêu cầu được ly hôn, anh B hiện đang trú tại phường A, thị xã T, tỉnh B. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến dự phiên tòa, do đó Tòa án xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Ph và anh B tìm hiểu đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/2002 tại UBND thị trấn A, huyện T (nay là phường A, thị xã T), tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 01, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình tố tụng chị Ph xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2012, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân do anh B không chịu tu chí làm ăn để cùng lo toan cho gia đình mà thường xuyên tụ tập ăn uống rượu chè. Năm 2013, 2016 chị Ph đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh B và sau

đó rút đơn về để anh B có cơ hội sửa chữa sai lầm. Tuy nhiên, từ đó tới nay anh B không chịu sửa đổi nên chị Ph tiếp tục nộp đơn yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, quá trình tố tụng anh B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án. Việc anh B không tới Tòa và không có ý kiến coi như từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng chị Ph và anh B đã kéo dài và trầm trọng, đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ph được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Phạm Trần Bảo Kh, sinh ngày 25/10/2004 và Phạm Trần Bảo Ph, sinh ngày 26/11/2008. Chị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con.

Tại phiên tòa chị Ph thay đổi không yêu cầu anh B đóng góp nuôi con. Việc chị Ph không yêu cầu anh B đóng góp nuôi con là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với hai cháu Kh và Ph hiện còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ và bản thân hai cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi hai con của chị Ph.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Kim Ph đối với bị đơn anh Phạm Quốc B về tranh chấp ly hôn.

- Về hôn nhân: Chị Trần Kim Ph được ly hôn với anh Phạm Quốc B.

- Về con chung: Giao hai con Phạm Trần Bảo Kh, sinh ngày 25/10/2004 và Phạm Trần Bảo Ph, sinh ngày 26/11/2008 cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ph không yêu cầu anh B đóng góp nuôi con.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì lợi ích hợp pháp của con, khi có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Kim Ph phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0009538 ngày 13/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường A, thị xã T, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Anh Thư
(đã ký)**

